

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 253/2017/DS-PT

Ngày 18 - 9 - 2017

V/v tranh chấp dân sự “Hợp
đồng thuê xe, mua bán xe và
bồi thường thiệt hại ngoài hợp
đồng do tài sản bị xâm phạm”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ.

Ông Ngô Tấn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2017/TLPT- DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp dân sự Hợp đồng thuê xe, mua bán tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/QĐST ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 194/2017/QĐPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim Thủy T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: phường 5, quận B, thành phố H.

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: ông Phạm Hữu G, sinh năm 1973 theo văn bản ủy quyền ngày 13/6/2016.

Địa chỉ: số 02 Bis, đường Đ, phường K, quận 1, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện T, tỉnh R.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Tổ 11, khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh Đ theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2016.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh năm 1970; Địa chỉ: số 13, đường V, phường Q, quận T, thành phố H.

+ Bà Phan Thị E, sinh năm 1968; Địa chỉ: số C2/1A, ấp 3, xã V, huyện B, thành phố H.

+ Ông Lê Ngọc D, sinh năm 1969; Địa chỉ: số 185/8, đường N, phường 6, quận 10, thành phố H.

+ Ông Phạm Hữu G, sinh năm 1973; Địa chỉ: số 02 Bis, đường Đ, phường K, quận 1, Thành phố H.

- *Người kháng cáo:* Ông Đặng Văn Đ bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn Huỳnh Kim Thủy T – đại diện ủy quyền ông Phạm Hữu G trình bày: Xe Toyota hiệu CAMRY biển số 51A-853.03, số khung MCV309010409, số máy 1MZ-1805118, giấy chứng nhận đăng ký số 173618 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố H cấp ngày 16/5/2014, đứng tên bà Phan Thị E; chiếc xe trên bà E bán cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H theo hợp đồng công chứng ngày 12/4/2014. Bà H mới bán lại chiếc xe trên cho bà T, nhưng vì bà H mua xe của bà E chưa làm thủ tục sang tên nên vào ngày 18/5/2015 bà H nhờ bà E đến Văn phòng công chứng Gia Định ký hủy bỏ văn bản công chứng là hợp đồng mua bán xe số 009074 ngày 12/4/2014 đã ký giữa bà H và bà E. Sau đó, bà Phan Thị E ký hợp đồng mua bán xe cho bà T. Việc mua bán xe giữa bà Nguyễn Thị Huỳnh H và bà Huỳnh Kim Thủy T đã thực hiện xong. Tháng 6/2015 bà T cho ông Đặng Văn Đ thuê chiếc xe trên giá 15.000.000đồng, thời gian thuê là 02 tháng, khi cho thuê xe không có làm hợp đồng, đến hạn ông Đ không trả tiền thuê cũng không trả xe, mà có dấu hiệu muốn đưa xe đi tẩu tán nên bà T đã trình báo đến Công an thị xã H. Ngày 05/5/2016 bà T nhận được Thông báo số 49/TBKQ-CQĐT ngày 11/4/2016 của Công an thị xã H nội dung là không khởi tố vụ án hình sự đối với ông Đặng Văn Đ. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn Đ trả cho bà 01 chiếc xe Toyota hiệu CAMRY, biển số 51A-853.03, đứng tên bà Phan Thị E. Bà T không yêu cầu ông Đ trả tiền thuê xe và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì đối với ông Đ.

Nếu có căn cứ hủy các hợp đồng theo yêu cầu của ông Đ, và nếu hợp đồng có liên quan đến trách nhiệm của bà H thì bà T yêu cầu giải quyết hậu quả của các hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Đặng Văn Đ – đại diện ủy quyền bà Võ Thị N trình bày: Ông Đ không đồng ý yêu cầu của bà T. Vì, ngày 09/5/2015 ông Đ có vay của bà Huỳnh Kim Thủy T số tiền 390.000.000đồng, khi vay ông Đ có viết biên nhận nợ do bà T giữ, trong giấy biên nhận có ghi lãi suất thỏa thuận là 10.000.000đồng/tháng, tài sản thế chấp là giấy đăng ký xe Toyota hiệu CAMRY, biển số 51A-853.03, số khung MCV309010409, số máy 1MZ-1805118, giấy chứng nhận đăng ký số 173618 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố H cấp ngày 16/5/2014 mang tên Phan Thị E.

Nguồn gốc chiếc xe là do ông Đ mua của ông Lê Ngọc D, giá 650.000.000đồng. Trước đó ông D mua lại từ bà Phan Thị E, qua hai lần mua bán

thì ông D và ông Đ đều chưa làm thủ tục sang tên nên giấy chứng nhận đăng ký xe vẫn do bà Phan Thị E đứng tên.

Khi vay tiền, bà T yêu cầu ông Đ đến Văn phòng công chứng làm hợp đồng mua bán xe với bà T, do giấy đăng ký xe vẫn do bà Phan Thị E đứng tên nên ông Đ đã nhờ bà E đến làm thủ tục mua bán xe với bà T, ông Đ với bà T thỏa thuận khi nào ông Đ trả hết tiền gốc, lãi thì bà T sẽ đến Văn phòng công chứng hủy hợp đồng mua bán xe với bà E. Ngày 21/7/2015, ông Đ làm giấy hẹn nợ thể hiện có vay của bà T số tiền 400.000.000đồng (giấy hẹn nợ do bà T giữ), sau đó ông Đ đã trả nợ gốc lãi cho bà T xong 442.000.000đồng. Vì chủ quan và công việc kinh doanh bận rộn nên ông Đ không yêu cầu bà T hủy hợp đồng mua bán xe với bà E. Ông Đ không mua bán, không thuê xe gì với bà T, chiếc xe trên chỉ là tài sản thế chấp đảm bảo khoản tiền vay mà ông Đ đã trả xong cho bà T.

Đồng thời, ông Đ có yêu cầu phản tố như sau: Yêu cầu hủy các hợp đồng mua bán xe biển số 51A-853.03 giữa bà Phan Thị E với bà Huỳnh Kim Thủy T; giữa bà Nguyễn Thị Huỳnh H với bà Huỳnh Kim Thủy T (thỏa thuận miệng); giữa ông Lê Ngọc D với bà Nguyễn Thị Huỳnh H; giữa bà Phan Thị E với bà Nguyễn Thị Huỳnh H. Tuy nhiên, sau đó ông Đ rút lại yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe giữa bà E với bà H, lý do, hợp đồng này đã được bà H và bà E thống nhất hủy vào ngày 18/5/2015 tại Văn phòng công chứng Gia Định. Ngoài ra, ông Đ còn yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại cho ông Đ do ngày 04/02/2016 bà T yêu cầu Công an thị xã H tạm giữ chiếc xe trên nên ông Đ không có phương tiện đi lại, ông Đ phải thuê xe làm phương tiện đi lại mỗi tháng là 15.000.000đồng (từ 04/02/2016 đến 21/10/2016) là 08 tháng x 15.000.000đồng/ tháng = 120.000.000đồng. Bởi vì, xe do ông mua, ông trả tiền, giữa ông và bà H không có việc hùn vốn mua chiếc xe trên. Tuy nhiên, ngày 31/3/2017 ông Đặng Văn Đ có bản khai nội dung rút lại lời trình bày yêu cầu đối với ông D, ông cho rằng ông trình bày như vậy mục đích là để công nhận quyền sở hữu của ông đối với chiếc xe trên. Nếu có căn cứ hủy các hợp đồng mà ông phản tố thì công nhận chiếc xe trên là của ông, còn nếu không có căn cứ hủy các hợp đồng thì ông không yêu cầu ông D trả tiền ông mua xe.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị E trình bày: Xe Toyota hiệu CAMRY biển số 51A- 853.03 bà đứng tên giấy xe và sử dụng khoảng 02 tháng thì ký gửi ở bãi xe của ông Lê Ngọc D để bán dùm. Ông D nói bán xe cho ông Đ, nhưng trong hợp đồng người đứng tên mua xe là ai bà không để ý, không rõ họ tên. Một năm sau có người tìm đến nhà bà nói có người gặp bà đưa điện thoại cho bà nói chuyện, đầu dây bên kia là ông Đ. Ông Đ có nhờ bà hủy bỏ hợp đồng mua bán xe trước đây và ký một hợp đồng khác, bà có đến Văn phòng công chứng Gia Định để ký tên vào văn bản hủy bỏ hợp đồng và ký lại hợp đồng mới. ông Đ nói nhờ người khác đứng tên, bà không để ý người đứng tên trong hợp đồng lần này là ai, bà chỉ gặp ông Đ hai lần khi ký hợp đồng. Từ trước đến nay bà không có nhận tiền bán xe bà H, bà T hay ông Đ mà bà nhận tiền từ ông Lê Ngọc D. Chữ ký trong hợp đồng mua bán xe ngày 18/5/2015 và hủy bỏ hợp đồng mua bán xe ngày 18/5/2015 tại Văn phòng công chứng G là của bà. Bà xác định bà có ra công chứng ký hủy hợp đồng mua bán xe giữa bà với bà

H, rồi ký hợp đồng bán cho bà T, bà chỉ ký hủy và ký lại hợp đồng khác chứ bà không quan tâm bà H hay bà T là ai, người yêu cầu hủy hợp đồng là ông Đ. Nay bà không có tranh chấp, không có yêu cầu gì đối với chiếc xe trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc D trình bày: Năm 2014 ông có bán xe cho ông Đ và bà H một chiếc xe ô tô biển số 51A-853.03 giá 580.000.000đồng (xe do bà E ký gửi để ông bán dùm), bà H là người trực tiếp đưa tiền cho ông, khi làm hợp đồng bà H là người đứng tên. Khoảng hai tuần sau ông yêu cầu bà E đến Phòng công chứng G làm hợp đồng mua bán xe, tại đây có bà E, ông Đ và bà H. Một năm sau (2015), ông Đ yêu cầu ông gọi bà E đến Văn phòng công chứng Gia đình để hủy bỏ hợp đồng mua bán lần trước để làm lại hợp đồng khác do ông Đ đứng tên, vì ông Đ cho rằng hợp đồng ký với bà H bị mất, do có tranh chấp nên yêu cầu ông làm lại để cho ông Đ làm chứng cứ, nội dung trong hợp đồng năm 2015 do ông Đ yêu cầu ông ghi. Đối với yêu cầu của ông Đ nếu không hủy các hợp đồng đã ký kết giữa các bên thì ông Đ sẽ yêu cầu ông trả lại số tiền mua xe thì ông không đồng ý. Vì xe ông đã bán xong, không còn trách nhiệm gì, việc tranh chấp giữa ông Đ, bà T, bà H thì ông không có ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huỳnh H trình bày: Vào ngày 30/5/2014, bà có mua chiếc xe ô tô của ông Lê Ngọc D giá 600.000.000đồng. Giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên bà Phan Thị E, đặt cọc trước 20.000.000đồng, khi nhận xe thì trả đủ 580.000.000đồng tiền mặt. Địa điểm giao xe tại đường Cao Thắng, lúc nhận xe có bà và ông Đ. Người trực tiếp giao tiền mua xe là bà, người trực tiếp giao xe là ông Lê Ngọc D. Việc mua bán xe đã thực hiện xong, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Vào ngày 12/6/2014, bà và bà Phan Thị E có ký kết hợp đồng mua bán chiếc xe trên tại Văn phòng công chứng G theo hợp đồng công chứng số 009074. Bà và ông Đ có làm ăn chung nên khi mua xe bà giao cho ông Đ sử dụng, trong quá trình làm ăn thua lỗ, thiếu tiền lương công nhân nên ông Đ yêu cầu bán chiếc xe trên với giá 400.000.000đồng để trả nợ, bà đồng ý và bán chiếc xe cho bà Huỳnh Kim Thủy T. Nhưng vì bà mua xe của bà E chưa làm thủ tục sang tên nên vào ngày 18/5/2015 bà nhờ bà E đến Văn phòng công chứng Gia Định ký hủy hợp đồng mua bán xe giữa bà và bà Phan Thị E, sau đó, bà Phan Thị E ký lại hợp đồng mua bán xe với bà Huỳnh Kim Thủy T. Bà khẳng định ông Đ không có nhờ bà đứng tên mua dùm chiếc xe ô tô nào. Việc mua bán xe giữa bà và bà T đã thực hiện xong, bà không có tranh chấp gì, việc bà T tranh chấp với ông Đ bà không có ý kiến cũng không có yêu cầu gì. Nếu phải hủy các hợp đồng mua bán xe biển số 51A-853.03 đã ký giữa các bên thì yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng theo quy định pháp luật. Trước khi bán xe cho bà T thì bà có hợp đồng tay mua bán với ông D vì bà E ký gửi xe cho ông D bán dùm, hợp đồng này bà đã đưa cho bà T khi bán xe lại cho bà T và hợp đồng mua bán giữa bà với bà E đã bị hủy khi bà bán lại chiếc xe trên cho bà T, còn việc giao xe cho ông Đ mượn thì bà không có làm giấy tờ nên không có chứng cứ chứng minh, nhưng khi bán xe cho bà T thì bà lấy xe lại từ ông Đ để giao lại cho bà T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu G trình bày: Ông không liên quan gì đến hợp đồng thuê xe giữa bà T và ông Đ nên ông không có ý kiến, cũng không tranh chấp gì với bà T với ông Đ.

- Xe hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H quản lý theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2016/QĐ- BPKCTT ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân thị xã H.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 04/2017/HNGĐ-ST, ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Kim Thủy T.

Buộc ông Đặng Văn Đ trả lại cho bà Huỳnh Kim Thủy T chiếc xe Toyota hiệu CAMRY, biển số 51A-853.03, số khung MCV309010409, số máy 1MZ-1850118, đứng tên Phan Thị E.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đặng Văn Đ về việc yêu cầu hủy các hợp đồng mua bán xe giữa bà Phan Thị E với bà Huỳnh Kim Thủy T; giữa bà Nguyễn Thị Huỳnh H với bà Huỳnh Kim Thủy T; giữa ông Lê Ngọc D với bà Nguyễn Thị Huỳnh H và yêu cầu bà Huỳnh Kim Thủy T bồi thường thiệt hại số tiền là 120.000.000đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Đặng Văn Đ do ông Đ tự nguyện rút.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2016/QĐ-BPKCTT ngày 11/5/2016 của Tòa án nhân dân thị xã H.

(Xe hiện do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H đang quản lý).

- Về án phí:

+ Ông Đặng Văn Đ phải nộp 26.200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.800.000đồng theo biên lai số 034451 ngày 21/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H; ông Đ còn phải nộp tiếp 22.400.000đồng.

+ Bà Huỳnh Kim Thủy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí 10.000.000đồng theo biên lai số 034292 ngày 10/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

- Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Văn Đ phải chịu là 1.000.000đồng, nhưng do bà Huỳnh Kim Thủy T đã tạm ứng và đã chi xong (ông Phạm Hữu G đại diện nộp) nên ông Đ phải có trách nhiệm nộp lại số tiền trên để trả cho bà T.

Ngoài ra bản án còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo của đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 05/6/2017, bị đơn Đặng Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu XE xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn Huỳnh Kim Thủy T – đại diện ủy quyền ông Phạm Hữu G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Đ trả xe Toyota hiệu CAMRY,

biển số 51A-853.03, số khung MCV309010409, số máy 1MZ-1850118, đứng tên Phan Thị E.

+ Bị đơn Đặng Văn Đ – đại diện ủy quyền bà Võ Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả xe cho bà T, đồng thời đề nghị hủy án sơ thẩm do chưa đối chất làm rõ lời trình bày của các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xe Toyota hiệu CAMRY, biển số 51A-853.03, số khung MCV309010409, số máy 1MZ-1850118 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngày 16/5/2014 tên Phan Thị E.

[1] Lời trình bày cũng như chứng cứ do bà T cung cấp:

- Hợp đồng mua bán xe ngày 30/5/2014 giữa ông Lê Ngọc D bán cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H (giấy tay, không công chứng);

- Hợp đồng mua bán xe ngày 12/6/2014 giữa bà Phan Thị E bán cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H (có công chứng của Văn phòng công chứng Gia Định);

- Hợp đồng hủy bỏ văn bản công chứng ngày 18/5/2015 giữa Phan Thị E và Nguyễn Thị Huỳnh H (hủy bỏ hợp đồng mua bán xe ngày 12/6/2014, có công chứng);

- Hợp đồng mua bán xe ngày 18/5/2015 giữa Phan Thị E bán cho bà Huỳnh Kim Thủy T (có công chứng).

[2] Lời trình bày của ông Đặng Văn Đ cho rằng giấy đăng ký xe Toyota hiệu CAMRY, biển số 51A-853.03, đứng tên Phan Thị E là tài sản thế chấp để ông Đ vay của bà T số tiền 390.000.000đồng + tiền lãi 10.000.000đồng = 400.000.000đồng. Xe của ông mua của ông D chứ không phải xe của bà H, bà T. Ông Đ cho rằng ông là người trực tiếp sử dụng xe, ông có đi đăng kiểm và bảo trì xe. Ngoài ra, ông Đ cung cấp chứng cứ là hợp đồng ngày 20/6/2015 ông Lê Ngọc D bán xe cho ông Đặng Văn Đ (giấy tay).

[3] Qua trình bày và chứng cứ xuất trình của các bên đương sự, xét ông Đặng Văn Đ kháng cáo cho rằng xe trên có nguồn gốc do ông mua của ông Lê Ngọc D (giấy tay) giá 650.000.000đồng, xe trên là tài sản thế chấp cho khoản tiền mà cá nhân ông đã vay của bà T 390.000.000đồng + lãi 10.000.000đồng là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo giấy hẹn nợ ngày 21/7/2015 (BL 90) thể hiện ông Đ - đại diện công ty Bando alpha Việt Đ “*Tôi có mượn của bà Huỳnh Kim Thủy T cho*

*Công ty Bando alpha Việt Đ số tiền là 400.000.000đồng” (BL 90) chứ không phải là cá nhân ông Đ mượn nợ của bà T; đồng thời ông Đ còn cho rằng xe trên là tài sản thế chấp đảm bảo khoản tiền vay nhưng ông Đ cũng không có chứng cứ chứng minh khi ông Đ vay tiền bà T buộc ông Đ phải làm hợp đồng bán xe như ông Đ đã trình bày, nếu cho rằng khi vay tiền bà T yêu cầu ông Đ thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô trên (trong khi giá trị chiếc xe ông cho rằng mua của ông Đ 650.000.000đồng nhiều hơn khoản tiền vay) thì tại sao ông Đ còn viết giấy hẹn nợ “*Nếu sau ngày 01/8/2015 bà T có quyền thanh toán máy móc thiết bị của công ty Bando alpha Việt Đ để thu hồi nợ*”, do vậy lời trình bày của ông Đ cho rằng cá nhân ông đã vay tiền và thế chấp xe cho bà T là không có căn cứ.*

Trước khi chuyển nhượng xe cho bà T thì xe Toyota hiệu CAMRY, biển số 51A-853.03 có nguồn gốc của bà Phan Thị E việc này được ông Đ thừa nhận.

Ông Đ cho rằng xe là do ông mua của ông D, nhưng ông Đ mua xe mà không trả tiền mà do bà H là người trực tiếp giao tiền, không làm hợp đồng mua bán xe với người đứng tên giấy tờ xe là bà E, cũng không thể hiện có việc thỏa thuận xe ông Đ mua mà để cho bà H đứng tên (ông Đ chỉ làm giấy tay mua bán với ông D, nhưng ông D xác nhận xe không phải của ông mà xe là của bà E, ông D chỉ nhận ký gửi bán dùm) nên cho rằng ông D làm giấy tay bán xe cho ông Đ nhưng xác định xe trên là của bà E thì giấy tay ông D bán xe cho ông Đ là trái pháp luật (vì xe không phải của ông D) và hiện tại thì ông Đ cũng không yêu cầu bất kỳ ai trả số tiền mua xe, kể cả ông D là người đã nhận khi bán xe.

Ông Đ sử dụng xe vì ông Đ và bà H có làm ăn chung, nên sau khi mua xe bà H giao xe cho ông Đ sử dụng, khi hết hạn thì ông Đ phải đi đăng kiểm và bảo trì xe. Năm 2014 bà H chuyển nhượng xe với bà E, hai người đã làm hợp đồng mua bán với nhau tại Văn phòng công chứng Gia định ngày 12/6/2014 lúc này có mặt ông Đ, kể cả sau này khi bà H bán xe lại cho bà T ông Đ cũng biết, nhưng không tranh chấp hay có ý kiến gì; cũng như việc ông Đ cho rằng xe là do ông nhờ bà H, bà T đứng tên dùm vì ông muốn giữ biển số xe ở thành phố H là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với hợp đồng mua bán năm 2015 do ông Đ ký tên bên mua thì theo ông D cho rằng việc có 02 hợp đồng ngày 30/5/2013 và 20/6/2015, “*đầu T ký hợp đồng với bà H, sau đó năm 2015 ông Đ lên gặp tôi nói ghi lại dùm hợp đồng khác, vì hợp đồng trước đây đã bị mất. Do xe đang có tranh chấp nên ông Đ kêu tôi ký lại hợp đồng khác do ông Đ là người đứng tên mua, nội dung trong hợp đồng ngày 20/6/2015 có nội dung trả tiền đủ, nội dung trong hợp đồng là do ông Đ yêu cầu ghi, vì ông Đ năn nỉ làm lại dùm hợp đồng để làm cơ sở do có tranh chấp. Hợp đồng ký với bà H là đúng, còn hợp đồng ký với anh Đ là do anh Đ yêu cầu, trước đây tại cơ quan điều tra anh Đ có gặp tôi yêu cầu tôi giúp đỡ khai theo ý anh Đ*”(BL 187, 374 – 376). Điều này phù hợp với xác nhận của Văn phòng công chứng Gia định vào ngày 09/3/2016: “*Giao dịch mua bán giữa bà E và bà T tại Văn phòng công chứng là có thật, người thật, việc thật, tài sản có thật, giao dịch không trái pháp luật và đạo Đ xã hội*”.....Do vậy, không có căn cứ chứng minh xe ô tô biển số 51A-853.03 là của ông Đ.

Do xe không phải là của ông Đ nên việc ông Đ yêu cầu bồi thường 120.000.000đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu phản tố của ông Đ về việc yêu cầu hủy các hợp đồng mua bán xe giữa bà Phan Thị E với bà Huỳnh Kim Thủy T; giữa bà Nguyễn Thị Huỳnh H với bà Huỳnh Kim Thủy T; giữa ông Lê Ngọc D với bà Nguyễn Thị Huỳnh H (rút yêu cầu đối với hợp đồng giữa bà E – bà H). Xét thấy, mục đích ông Đ yêu cầu hủy các hợp đồng trên là để công nhận chiếc xe trên là của ông, vì cho rằng xe không phải ông thuê của bà T mà là xe ông mua của ông D, do ông có vay của bà T 400.000.000đồng, nên thế chấp giấy đăng ký xe Toyota, bà T yêu cầu ông ra công chứng làm hợp đồng mua bán xe, nhưng do xe vẫn còn đứng tên bà E nên ông nhờ bà E ra công chứng ký hủy hợp đồng với bà H rồi ký lại hợp đồng mua bán với bà T. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần trên, ông Đ không có chứng cứ chứng minh xe là của ông mua nên cần buộc ông Đ trả xe cho bà T là có căn cứ.

Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của ông Đ cho rằng lời trình bày của các đương sự chưa được đối chất làm rõ và đề nghị hủy án sơ thẩm. Xét thấy, Tòa sơ thẩm đã mở 02 phiên đối chất làm rõ nội dung vụ án, lời trình bày các người liên quan đã có các văn bản ý kiến tự khai, biên bản lấy lời khai để xác định tình tiết vụ án và kèm các tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và sau đó có đơn xin vắng mặt (trước khi khởi kiện vụ án dân sự thì vụ việc cũng đã được Công an thị xã H thụ lý và các đương sự đã có lời khai tại Công an), bản thân ông Đ cũng có những lời khai chưa thống nhất .v.v..... Tại phiên tòa phúc thẩm, các người liên quan cũng đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng cũng không đến tham gia phiên Tòa, ông Đ kháng cáo cho rằng xe là của ông mua thì nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình thuộc về đương sự, nhưng ông Đ không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Do vậy việc không đối chất, cũng như các lời khai của các đương sự chưa thống nhất nhau, không là căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét hủy án sơ thẩm theo yêu cầu của người đại diện ủy quyền của bị đơn Đặng Văn Đ.

[6] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Đ là không có căn cứ chấp nhận, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Đặng Văn Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256, 428, 480, 604, 608 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bị đơn ông Đặng Văn Đ.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Đặng Văn Đ trả lại cho bà Huỳnh Kim Thủy T chiếc xe Toyota hiệu CAMRY, biển số 51A-853.03, số khung MCV309010409, số máy 1MZ-1850118, đứng tên Phan Thị E.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đặng Văn Đ về việc yêu cầu hủy các hợp đồng mua bán xe giữa bà Phan Thị E với bà Huỳnh Kim Thủy T; giữa bà Nguyễn Thị Huỳnh H với bà Huỳnh Kim Thủy T; giữa ông Lê Ngọc D với bà Nguyễn Thị Huỳnh H và yêu cầu bà Huỳnh Kim Thủy T bồi thường thiệt hại số tiền là 120.000.000đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Đặng Văn Đ yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe giữa bà Phan Thị E với bà Nguyễn Thị Huỳnh H do ông Đ tự nguyện rút.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2016/QĐ-BPKCTT ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự. (Xe hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H đang quản lý).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Đặng Văn Đ phải nộp 26.200.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 3.800.000đồng theo biên lai số 034451 ngày 21/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H; ông Đ còn phải nộp tiếp 22.400.000đồng.

+ Bà Huỳnh Kim Thủy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí 10.000.000đồng theo biên lai số 034292 ngày 10/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

- Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Văn Đ phải chịu là 1.000.000đồng, số tiền này bà Huỳnh Kim Thủy T đã tạm ứng và đã chi xong (ông Phạm Hữu G đại diện nộp) nên ông Đ phải có trách nhiệm nộp lại số tiền trên để trả cho bà Huỳnh Kim Thủy T.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đặng Văn Đ phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 034731 ngày 07/6/2017 của Chi cục thi hành án thị xã H, Đồng Tháp (ông Đ đã nộp xong).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND TX.H;
- Chi cục THADS TX.H;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vĩnh